

Số: 67/2025/QĐST-HNGĐ

TP. Tuyên Quang, ngày 10 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 giữa:
 - Nguyên đơn: Chị **Chu Thị T**, sinh năm 1997;
Nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;
 - Bị đơn: Anh **Lê Đức A**, sinh năm 1995;
Nơi cư trú: Số B, tổ H, phường N, TP T, tỉnh Tuyên Quang
- Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điểm 1, mục I Danh mục lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/4/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Chu Thị T và anh Lê Đức A (*Theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41, ngày 23/11/2020 tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung là Lê Hạ V, sinh ngày 12/02/2021 cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Lê Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Đức A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hạ V, sinh ngày 12/02/2021 là 4.000.000đồng (bốn triệu đồng)/tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, kể từ tháng 4/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Chu Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

(Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự).

2.2 Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Chu Thị T và anh Lê Đức A không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí: Chị Chu Thị T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0000316 ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Chu Thị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Lê Đức A phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND phường Nông Tiến, TP. Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Ánh

